



Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA69-3

Địa chỉ: 515 - Điện Biên Phủ - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương
 Điện thoại: 0320.3.852.584 * Fax: 0320.3.853.958
 Email: lilama69-3@lilama69-3.com.vn * Web: www.lilama69-3.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2009

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	335,111,116,405	366,617,323,282
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	23,771,344,688	19,997,570,020
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,000,000,000	2,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	127,909,134,668	212,027,722,457
4	Hàng tồn kho	174,800,348,257	129,523,863,132
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,630,288,792	3,068,167,673
II	Tài sản dài hạn	102,958,234,863	97,291,663,877
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	74,123,596,180	79,890,457,104
	- Tài sản cố định hữu hình	69,059,624,794	74,767,003,656
	- Tài sản cố định vô hình	370,720,000	370,720,000
	- Tài sản cố định thuê tài chính	1,398,417,540	1,243,037,808
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3,294,833,846	3,509,695,640
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	21,438,895,399	15,681,133,893
5	Tài sản dài hạn khác	7,395,743,284	1,720,072,880
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	438,069,351,268	463,908,987,159
IV	Nợ phải trả	364,606,384,508	368,453,418,931
1	Nợ ngắn hạn	315,882,900,210	333,929,678,853
2	Nợ dài hạn	48,723,484,298	34,523,740,078
V	Vốn chủ sở hữu	73,462,966,760	95,455,568,228
1	Vốn chủ sở hữu	73,102,331,561	94,197,446,034
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56,390,190,000	61,182,580,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	4,552,680,000	4,675,400,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		

	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		527,683,145
	- Các quỹ	971,722,401	3,508,246,649
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,187,739,160	24,303,536,240
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	360,635,199	1,258,122,194
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	633,314,839	1,069,770,301
	- Nguồn kinh phí	(272,679,640)	188,351,893
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	438,069,351,268	463,908,987,159

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	658,708,021,375	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	658,708,021,375	
4	Giá vốn hàng bán	596,718,693,904	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61,989,327,471	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10,383,197,289	
7	Chi phí tài chính	14,543,485,951	
8	Chi phí bán hàng	67,003,593	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,087,215,237	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22,674,819,979	
11	Thu nhập khác	7,307,620,424	
12	Chi phí khác	1,395,036,207	
13	Lợi nhuận khác	5,912,584,217	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,587,404,196	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,739,859,675	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21,847,544,521	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,606	

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	20,97
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		79,03

2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	79,42
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		20,58
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,07
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,1
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,85
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3,3
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		25,3

Ngày 30 tháng 5 năm 2010.

Tổng Giám đốc
(Đã ký)

Vũ Văn Hậu